

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình

Ông Nguyễn Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến (điểm cầu trung tâm: Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; điểm cầu thành phần: UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng) vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn K; cư trú tại Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn K chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống từ năm 1990 nhưng đến ngày 24 tháng 11 năm 2002, hai bên mới

làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Văn Đ - sinh năm 1991 và Vũ Thị Phương U - sinh ngày 12 tháng 01 năm 2006; con chung Nguyễn Thị Phương Uyên hiện do bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Phương U cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn K tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Vũ Văn Đ đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Vũ Văn K, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Vũ Văn K đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Vũ Văn K trước yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Vũ Văn K; về con chung, xử giao con chung Vũ Thị Phương U - sinh ngày 12 tháng 01 năm 2006 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; con chung Vũ Văn Đ đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn, ông Vũ Văn K có nơi cư trú tại Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện T. Ông Vũ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Vũ Văn K tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Vũ Văn K.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn K có các con chung Vũ Văn Đ - sinh năm 1991 và Vũ Thị Phương U - sinh ngày 12 tháng 01 năm 2006. Ly hôn bà Nguyễn Thị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Phương U cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ Văn K vắng mặt không có quan điểm về việc nuôi con. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy điều kiện nuôi con của các bên là ngang nhau nhưng con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên để con chung có cuộc sống ổn định sau khi bố, mẹ ly hôn cần giao con chung cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Ly hôn bà Nguyễn Thị N có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do bà và ông Vũ Văn K tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm bà Nguyễn Thị N đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Tòa án không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Vũ Văn Đ – sinh năm 1991 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 143, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Vũ Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Phương U - sinh ngày 12 tháng 01 năm 2006 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Vũ Văn Đ - sinh năm 1991 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Nguyễn Thị N đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (theo Biên lai thu tiền số 0006478 ngày 17 tháng 5 năm 2023) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự T;
- UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 132/2002);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch